

Họ và tên: .....

Toán 3 Kết nối tri thức

Lớp: .....

### Chủ đề 1: Ôn tập cộng trừ trong PV 1 000; Tìm thành phần trong phép cộng phép trừ.

**Bài 1.** Điền số thích hợp vào chỗ trống trong mỗi mô tả về số bị trừ và hiệu.

- a) Trong một phép trừ, số bị trừ là 98, hiệu là 48, số trừ là .....
- b) Trong một phép trừ, số bị trừ là 5887, hiệu là 2423, số trừ là .....
- c) Trong một phép trừ, số bị trừ là 9393, hiệu là 506, số trừ là .....
- d) Trong một phép trừ, số bị trừ là 56 277, hiệu là 20 458, số trừ là .....

**Bài 2.** Viết biểu thức thích hợp để tìm số hạng chưa biết trong mỗi trường hợp sau.

- a) Tổng là 1094, một số hạng đã biết là 168. Biểu thức tìm số hạng chưa biết là .....
- ....
- b) Tổng là 2216, một số hạng đã biết là 207. Biểu thức tìm số hạng chưa biết là .....
- ....
- c) Tổng là 15 380, một số hạng đã biết là 8290. Biểu thức tìm số hạng chưa biết là .....
- .....
- d) Tổng là 35 341, một số hạng đã biết là 6110. Biểu thức tìm số hạng chưa biết là .....
- .....

**Bài 3.** Viết biểu thức thích hợp để tìm số trừ chưa biết trong mỗi trường hợp sau.

- a) Trong phép trừ  $77\ 635 - \square = 9072$ , biểu thức tìm số trừ là .....
- b) Trong phép trừ  $94 - \square = 30$ , biểu thức tìm số trừ là .....
- c) Trong phép trừ  $991 - \square = 438$ , biểu thức tìm số trừ là .....
- d) Trong phép trừ  $771 - \square = 121$ , biểu thức tìm số trừ là .....

**Bài 4.** Điền số thích hợp vào chỗ trống trong mỗi mô tả về số bị trừ và hiệu.

- a) Trong một phép trừ, số bị trừ là 68, hiệu là 19, số trừ là .....
- b) Trong một phép trừ, số bị trừ là 94, hiệu là 9, số trừ là .....
- c) Trong một phép trừ, số bị trừ là 84 844, hiệu là 16 408, số trừ là .....
- d) Trong một phép trừ, số bị trừ là 9094, hiệu là 701, số trừ là .....

**Bài 5.** Tính rồi điền dấu  $>$ ,  $<$  hoặc  $=$  vào ô trống.

- a)  $847 - 115$  ...  $438 + 555$
- b)  $553 - 492$  ...  $585 - 524$
- c)  $120 + 111$  ...  $124 + 107$
- d)  $316 + 529$  ...  $981 - 563$

**Bài 6.** Điền số còn thiếu trong các dãy số đếm thêm 10.

- a) 931; 941; .....; 961; .....; 981; 991
- b) 71; 81; 91; .....; 111; 121; 131; 141
- c) 833; 843; .....; 863; 873; 883; 893
- d) 266; 276; 286; 296; 306; .....

**Bài 7.** Khối Bốn có 205 học sinh. Khối Năm có nhiều hơn khối bốn 30 học sinh. Hỏi khối năm có bao nhiêu học sinh?

**Bài giải**

.....  
.....  
.....  
**Bài 8.** Giải bài toán sau.

Kho thứ nhất có 6647 kg gạo. Kho thứ hai có 13 294 kg gạo. Số ki-lô-gam gạo ở kho thứ hai gấp mấy lần số ki-lô-gam gạo ở kho thứ nhất?

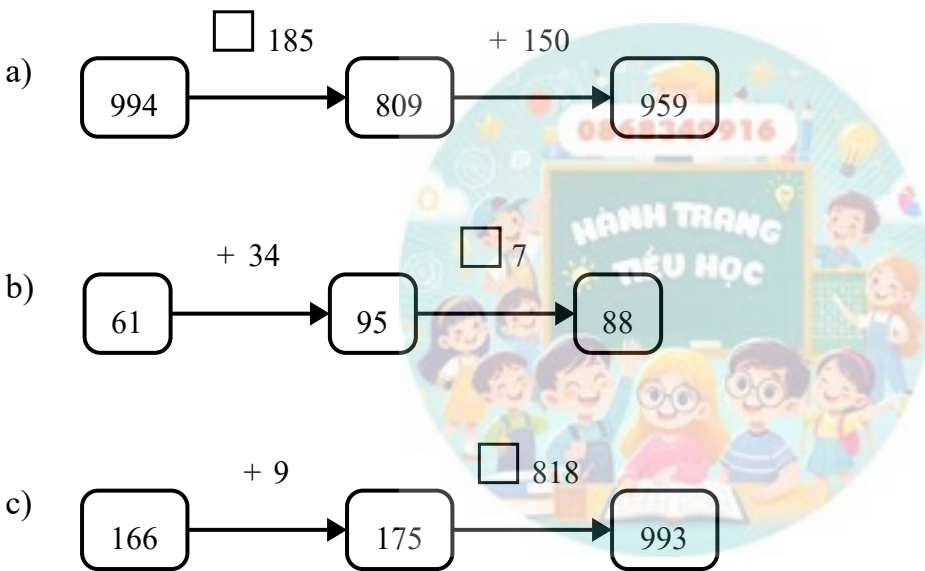
**Bài giải**

.....  
.....  
.....

**Bài 9.** Điền dấu so sánh thích hợp vào chỗ trống.

- a)  $600 + 10 + 1 \dots 600 + 10 + 1$                       b)  $800 + 30 + 2 \dots 500 + 40 + 9$   
c)  $100 + 40 + 7 \dots 800 + 50 + 9$                       d)  $500 + 80 + 8 \dots 700 + 20 + 5$

**Bài 10.** Điền dấu + hoặc - còn thiếu trên mũi tên.



**Bài 11.** Số? Điền số thích hợp vào bảng để tìm tổng.

Số hạng	143	22	300	145
Số hạng	39	3	700	212
Tổng	.....	.....	.....	.....

**Bài 12.** Đặt tính rồi tính.

- 205 + 403                      711 + 12                      110 + 85                      10 + 30
- a) .....                      b) .....                      c) .....                      d) .....
- .....
- .....

---HẾT---